

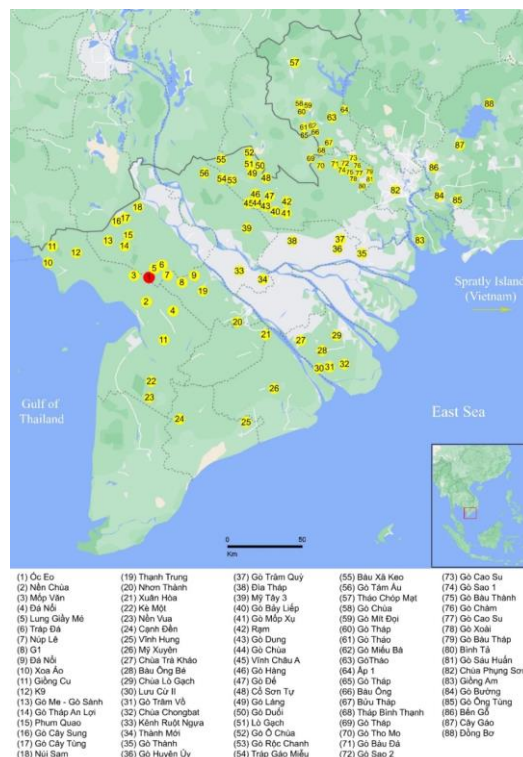
NHẬN DIỆN CÁC KHU ĐỊNH CƯ CỔ CỦA VĂN HÓA ÓC EO: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP DI TÍCH NHƠN THÀNH QUA KẾT QUẢ KHAI QUẬT NĂM 2023

NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH*, MARIKO YAMAGTA**

1. Mở đầu

Di tích khảo cổ học Nhơn Thành có tọa độ địa lý 9°58'4" vĩ Bắc, 105°41'48" kinh Đông, thuộc ấp Nhơn Thành, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, cách trung tâm Cần Thơ khoảng 15km về phía tây nam. Nhơn Thành nằm ở khu vực trũng thấp thuộc vùng Ô Môn - Phụng Hiệp của Đồng bằng sông Cửu Long (Hình 1). Trước đây, khu vực di tích chủ yếu trồng lúa xen lẫn hoa màu, trong đó, tuyến thủy lộ chính của di tích là lung Đâu Sọ và rạch Bàu Nhỏ, kết nối với các bàu, địa trũng tự nhiên, xen lẫn những thềm đất lượn sóng tạo những gò nổi cao thấp. Sau đó, tuyến đường quốc lộ 61C nối thành phố Cần Thơ và Vị Thanh được xây dựng, gần như cắt đôi khu vực di tích theo chiều đông bắc - tây nam. Đồng thời với quá trình đô thị hóa, cảnh quan di tích đã có nhiều thay đổi, nhất là khoảng một thập niên trở lại đây, với các khu dân cư mọc lên, cùng với đó là quá trình chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao.

Nhơn Thành được phát hiện vào đầu năm 1990 bởi cán bộ Bảo tàng Cần Thơ và Trung tâm Khảo cổ học (Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ). Di tích được các nhà khảo cổ khảo sát, thám sát các năm 1990, 1991, 1995 và 1998; Sau đó được khai quật quy mô các năm 2000, 2002 và 2003. Gần đây nhất từ năm 2011 đến 2013, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ thực hiện đề tài khoa học “Nghiên cứu, thăm dò, khai quật di chỉ khảo cổ học Nhơn Thành (xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong



Hình 1. Phân bố các di tích văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ Việt Nam

(Nguồn: Nguyễn Hoàng Bách Linh 2023: 50)

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Nghiên cứu sinh Đại học Kanazawa, Nhật Bản

** Đại học Rikkyo, Nhật Bản

Điền, thành phố Cần Thơ”’. Kết quả, ngoài việc phát hiện một số lượng lớn đồ gốm với đa dạng loại hình, đồ trang sức chế tác từ đá quý, thủy tinh và chì - thiếc, các kết cấu gỗ có dấu vết chế tác, các hiện vật liên quan đến Hindu giáo và Phật giáo... còn xác định không gian phân bố của di tích rộng khoảng 56 hecta với bốn khu vực có mật độ khác nhau và được giới hạn bởi hệ thống thủy lộ, đồng thời nhận diện cấu trúc địa tầng và tính chất văn hóa của từng khu vực qua các hố khai quật (Bùi Chí Hoàng và nnk 2019).

Có thể nói, qua kết quả khai quật và nghiên cứu, các nhà khảo cổ học đều nhận định Nhơn Thành là một trong những khu định cư cổ quan trọng nhất của văn hóa Óc Eo, có vị trí quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của văn hóa Óc Eo và nền văn minh Phù Nam ở vùng đất Nam Bộ. Nhơn Thành có những yếu tố độc đáo thể hiện các giá trị về lịch sử, nghệ thuật và văn hóa, đồng thời cũng minh chứng sự thích nghi của cộng đồng cư dân cổ với điều kiện môi trường trũng thấp, niên đại tồn tại khoảng từ thế kỷ IV đến thế kỷ VII Công nguyên, qua các kết quả phân tích ^{14}C và so sánh loại hình học, tương ứng với giai đoạn phát triển của văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ Việt Nam. Khu di tích này có mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống các di tích thuộc giai đoạn văn hóa Óc Eo phát triển mạnh mẽ nhất trên vùng đồng bằng Nam Bộ như khu di tích Óc Eo - Ba Thê (Tứ Giác Long Xuyên), Cạnh Đèn (U Minh), Gò Tháp (Đồng Tháp Mười) (Nguyễn Quốc Mạnh, Cao Kiều Thúy Linh 2014; Bùi Chí Hoàng (cb) 2018; Bùi Chí Hoàng và nnk 2019). Đồng thời, khảo cổ học cũng ghi nhận dấu vết của giai đoạn sớm, khoảng thế kỷ I - II đầu Công nguyên, qua một số loại hình hiện vật đặc trưng. Tuy nhiên, chúng chỉ thể hiện mối liên hệ với giai đoạn sớm của văn hóa Óc Eo chứ không đại diện tiêu biểu cho khung niên đại phát triển của Nhơn Thành (Bùi Chí Hoàng và nnk 2019).

2. Khai quật và nghiên cứu di tích Nhơn Thành năm 2023

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trong văn hóa Óc Eo, các công trình kiến trúc, đền tháp tôn giáo cùng những di vật có liên quan vẫn luôn là đối tượng thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới nghiên cứu nói chung. Tuy thế, một chủ đề cũng không kém phần quan trọng đã và đang được chú ý nghiên cứu nhằm góp phần nhận diện toàn diện hơn về nền văn hóa cổ này, đó là đời sống và hình thái cư trú của tầng lớp dân cư tại các khu định cư cổ Óc Eo đặt trong bối cảnh môi trường thời bấy giờ.

Các kết quả nghiên cứu trước đây đã cho thấy Nhơn Thành là một khu định cư cổ của Óc Eo với tầng văn hóa ổn định, quá trình phát triển kéo dài vài thế kỷ cùng quy mô phân bố rộng lớn. Chúng tôi lựa chọn di tích này để tiến hành nghiên cứu, trong đó tập trung tìm hiểu về quá trình tạo thành địa lý và điều kiện môi trường cổ nhằm góp phần làm rõ về đời sống và sự thích ứng với tự nhiên của cộng đồng cư dân cổ Óc Eo tại một khu vực trũng thấp đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long như Nhơn Thành thông qua khai quật, thu thập vi tư liệu và mẫu phân tích, với sự tham gia của các nhà khảo cổ học, địa lý học và chuyên gia nghiên cứu về bảo tồn di sản của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Khảo cổ học (Việt Nam) và một số trường đại học Nhật Bản. Đồng thời, cung cấp cơ sở khoa học để góp phần nhận diện rõ hơn giá trị đặc biệt quan trọng của di tích Nhơn Thành trong bối cảnh văn hóa Óc Eo nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản trước quá trình đô thị hóa đã và đang diễn ra tác động trực tiếp đến di tích.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp chuyên ngành khảo cổ học

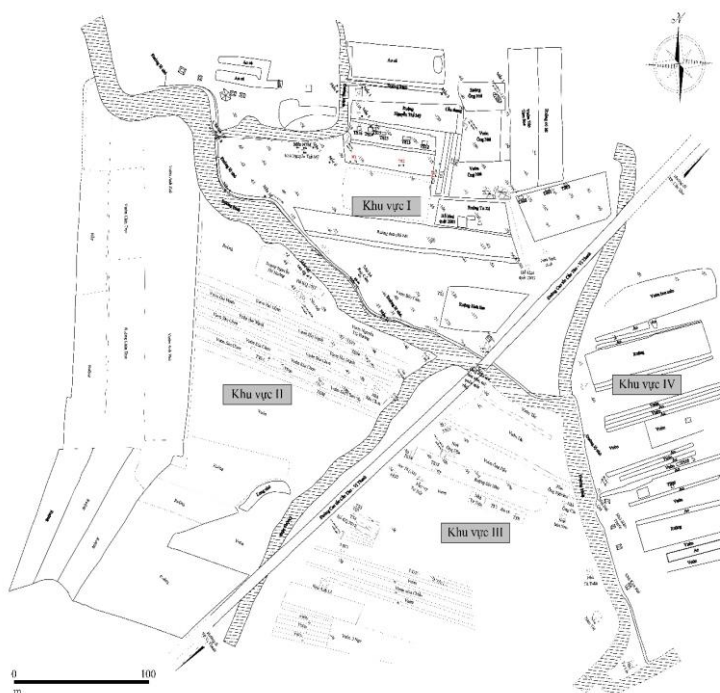
- Khai quật

Trên cơ sở tổng quan các kết quả khai quật trước đây và quá trình khảo sát thực tế tại di tích Nhơn Thành vốn đã và đang có nhiều thay đổi về cảnh quan bởi quá trình canh tác nông nghiệp của người dân địa phương, chúng tôi đã lựa chọn vị trí để tiến hành khai quật với tổng diện tích 8,5m², gồm hai hố thám sát ký hiệu 23NT.TS1 kích thước (2 x 1)m và 23NT.TS2 kích thước (2 x 1)m, một hố khai quật ký hiệu 23NT.H1 kích thước (3 x 1,5)m (Hình 2). Vị trí các hố khai quật nằm trong khu vực I, nằm về phía nam của khu du lịch Lung Cột Cầu, được các nhà khảo cổ học xác định là vùng đặc biệt tập trung ở mật độ cao dấu tích văn hóa cổ (Nishimura và nnk 2008; Bùi Chí Hoàng và nnk 2019). Cách khoảng 15m về phía bắc là khu vực đất ruộng đã được khai quật vào năm 2011 trong khuôn khổ đề tài khoa học do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ thực hiện (Hình 3).



Hình 2. Phân bố các hố thám sát và khai quật

di tích Nhơn Thành năm 2023 (Nguồn: Nhóm tác giả)



Tên mốc		X (m)	Y (m)	Z (m)	Loại mốc
H1	a	1102618.031	576223.336	2.428	Hố khai quật
	b	1102621.074	576223.200	2.397	
TS1	a	1102705.635	576213.557	2.443	Hố thám sát
	b	1102705.816	576211.545	2.420	
TS2	a	1102670.654	576219.976	2.385	Hố thám sát
	b	1102668.643	576219.806	2.333	

Hình 3. Bản vẽ di tích khảo cổ học Nhơn Thành

(Nguồn: Trung tâm Khảo cổ học;

Hiệu chỉnh và bổ sung: Nguyễn Hoàng Bách Linh,

Đinh Lê Na, Tăng Sến)

Bản vẽ tổng thể của di tích Nhơn Thành (thực hiện năm 2011 - 2013) được chúng tôi số hóa, hiệu chỉnh và bổ sung thông tin tọa độ địa lý cũng như cao độ chuẩn so với mực nước biển hiện đại. Các hố thám sát và khai quật năm 2023 được định vị vào bản vẽ bằng toàn đạc điện tử (Total Station), để thuận tiện cho việc nghiên cứu so sánh và bổ sung trong các nghiên cứu tương lai.

Chúng tôi tiến hành xử lý hiện trường khai quật theo bối cảnh văn hóa (context) của địa tầng, dựa theo sự khác biệt, thay đổi về màu sắc, tính chất của đất, phân bố và đặc trưng của hiện vật tìm thấy. Các lớp văn hóa được bóc tách và ghi nhận diễn tiến thành các phân lớp có độ dày 10cm. Hiện vật tìm thấy ở mỗi phân lớp, lớp được ghi nhận và ký hiệu tương ứng. Quá trình xử lý hiện trường được chụp ảnh, đo vẽ và khảo tả chi tiết. Màu sắc của các lớp đất trong tầng văn hóa được ghi nhận và ký hiệu dựa theo bảng màu tiêu chuẩn (Munsell Soil Color Charts).

Hố TS1 mở theo chính hướng bắc - nam trên liếp đất đắp cùng hướng, nằm gần biên phía đông ranh đất. Hố TS2 và H1 mở trên cùng một liếp đất đắp hướng đông - tây, nằm gần biên phía bắc ranh đất. Trong đó, hố TS2 mở theo chính hướng đông - tây, cách hố TS1 khoảng 40m về phía tây, còn hố H1, do hạn chế địa hình và tránh ảnh hưởng đến hiện trạng liếp đất đắp nên được mở theo hướng đông - tây (đông lệch nam 10^0), cách hố TS2 khoảng 42m về phía tây.

- Thu thập vi tư liệu bằng sàng tuyển nổi và sàng ướt

Đầu tiên là quá trình chuẩn bị mẫu đất: Sau khi bóc tách lớp đất hiện đại bề mặt và xác định lớp văn hóa cổ, chúng tôi tiến hành thu thập mẫu đất để xử lý. Bắt đầu từ lớp văn hóa cổ cho đến bề mặt sinh thổ, căn cứ vào mật độ hiện vật được nhận diện và tính ổn định của từng khu vực, mỗi hố thám sát, khai quật được thống nhất các ô lưới giữ lại, bao gồm: Hố TS1 giữ 1/2 hố phía nam, hố TS2 giữ 1/2 hố phía tây, hố H1 lấy mẫu đất ở hai ô hai đầu đông và tây. Năm xô đất mẫu với thể tích thực mỗi xô là 04 lít của từng lớp 10cm ở các ô lưới này được giữ lại. Sau đó, mẫu đất được chứa trong các túi nilon với ký hiệu tương ứng. Tiếp đến, mẫu đất của từng lớp văn hóa sẽ được phân chia đều cho 05 thùng nước (loại thể tích 20 lít, có các vạch để xác định thể tích) đã chứa sẵn 10 lít nước sạch (Hình 4). Mực nước của từng thùng sau khi cho mẫu đất vào được ghi chú vào phiếu phân tích mẫu. Các thùng chứa mẫu này được ngâm một thời gian để đất mềm và hòa tan một phần. Sau đó, đất được bóp nhẹ để nhuyễn nát và hòa tan với nước. Lặp lại công đoạn chờ lắng. Quá trình này sẽ làm cho các vật chất nhẹ như than, hạt thực vật, gỗ sẽ nổi lên trên mặt nước, trong khi các vật chất nặng còn lại như mảnh gốm, xương, cát... sẽ chìm xuống đáy thùng.



Hình 4. Quy trình chuẩn bị mẫu đất

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Tiếp đến là công đoạn xử lý mẫu bằng phương pháp tuyển nổi (*flotation*) và sàng ướt (*wet-sieving*). Lưới lọc chuyên dụng với mắt lưới có kích thước 250mm sẽ lót bên trong của các xô nhựa. Các thùng nước sau khi đã lắng đọng được đổ nghiêng nhẹ và từ từ vào lưới lọc. Lưu ý tránh tình trạng dòng chảy bị ngắt quãng do không đúng kỹ thuật. Các túi lưới flotation sẽ được ghi chú thông tin và lọc bớt một phần cặn (nếu có), sau đó tiến hành phơi ráo tự nhiên, tránh ánh nắng trực tiếp.

Phần đất lắng đọng còn lại sẽ tiếp tục dùng phương pháp sàng ướt để bóc tách vật chất bên trong. Hai sàng lưới kích cỡ 5mm (bên trên) và 1mm (bên dưới) sẽ được đồng thời sử dụng (Hình 5). Đất trong các thùng chứa sẽ được đổ từng phần ra lớp sàng 5mm bên trên, sau đó nước sạch được dùng để rửa trôi đất, và những vật chất còn sót lại sẽ được giữ lại ở lớp sàng 5mm và 1mm bên dưới. Mẫu vật của từng ô lưới thuộc hai lớp sàng này sẽ được ký hiệu và phơi ráo riêng biệt, sau đó được cho vào các túi ziplock để bảo quản và chỉnh lý sau này.

- Thu thập mẫu phân tích niên đại

Trong quá trình khai quật cũng như chỉnh lý, chúng tôi thu thập và lựa chọn các mẫu than và hữu cơ tìm thấy trong tầng văn hóa ổn định của các hố thám sát và khai quật để phục vụ cho việc phân tích niên đại tuyệt đối. Trong đó, 05 mẫu thuộc hố TS2 và H1, bao gồm 04 mẫu than có nguồn gốc từ gỗ hay thực vật và 01 mẫu từ chiếc gáo dừa, được gửi phân tích niên đại bằng phương pháp AMS (Accelerator Mass Spectrometry) tại phòng thí nghiệm Paleo (Paleo Labo Co., Ltd., Nhật Bản). Phương pháp này có ưu điểm là chỉ cần một lượng mẫu phân tích nhỏ (tối thiểu 20 miligam), kết quả phân tích có độ chính xác cao hơn và độ nền thấp hơn so với các phương pháp đo bằng carbon phóng xạ ^{14}C thông thường. Ba mẫu còn lại được gửi phân tích tại phòng thí nghiệm Beta (Beta Analytic Radiocarbon Dating Laboratory, Nhật Bản), bao gồm mẫu của 02 cột gỗ thuộc hố TS1 và H1 cùng với 01 mẫu từ chiếc gáo dừa khác tìm thấy ở tầng văn hóa sớm nhất của hố TS2.

Kết quả niên đại tuyệt đối này góp phần quan trọng vào việc xác định niên đại và diễn tiến của các lớp văn hóa từ sớm đến muộn, kết hợp với kết quả chỉnh lý hiện vật, quan trọng nhất là đồ gốm, được tìm thấy ở các lớp văn hóa tương ứng.

2.2.2. Phương pháp liên ngành

- Thu thập mẫu phân tích bào tử phấn hoa và tảo cát



Hình 5. Phương pháp sàng ướt



Hình 6. Thu thập mẫu đất tại H1
Phân tích bào tử phấn hoa và tảo cát
(Nguồn: Nhóm tác giả)

Sau khi hoàn thành các hố thám sát và khai quật, chúng tôi lựa chọn các vách ổn định và nhận diện tốt diễn tiến các lớp văn hóa để tiến hành đóng các ống nhôm, kích thước (10 x 10 x 4,8)cm, bắt đầu từ cuối lớp đất đắp cho đến bề mặt sinh thổ (Hình 6). Mục tiêu thu thập mẫu đất để tiến hành phân tích bào tử phấn hoa (*palynology*) và tảo cát (*diatom analysis*), qua đó góp phần luận giải về điều kiện cổ khí hậu và môi trường trầm tích của khu vực Nhơn Thành trong quá khứ. Đồng thời, các kết quả phân tích này có thể cung cấp cơ sở cho việc so sánh với các kết quả nghiên cứu về bào tử phấn hoa trước đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và các nghiên cứu trong phạm trù văn hóa Óc Eo (Dương Xuân Đào 1994; Nguyễn Thị Mai Hương, Lê Thị Liên 2013; Đinh Văn Thuận, Nguyễn Đình Dữ 2017; Lê Thị Liên, Nguyễn Thị Mai Hương 2022).

Với các mẫu đất thu thập được, chúng tôi đang hợp tác với các chuyên gia thuộc Viện Khảo cổ học và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội để tiến hành phân tích, nghiên cứu.

- Khoan mẫu địa lý

Với sự tham gia của các chuyên gia khảo cổ và địa lý Nhật Bản, chúng tôi tiến hành lấy các mẫu khoan địa lý (*core sample*) với độ sâu đạt 2 - 3m tính bề mặt sinh thổ của hố TS1 và TS2, để tiến hành nghiên cứu về trầm tích, thành tạo địa chất - địa mạo của khu vực này với niên đại kỳ vọng có thể đạt đến khoảng 5.000 năm cách ngày nay. Đồng thời, bổ sung thêm tư liệu cho việc nhận diện về quá trình hình thành, phát triển và những biến động của vùng đất Nam Bộ (Liêu Kim Sinh 1985; Nguyễn Văn Lập và nnk 2000; Vũ Minh Giang, Nguyễn Việt 2017). Dụng cụ khoan cầm tay được sử dụng, với độ sâu từng 20cm từ sinh thổ, mẫu đất được lấy lên và ghi chú theo từng độ sâu khác nhau. Bên cạnh đó, một mũi khoan từ bề mặt ruộng, cách vách Đông hố khai quật năm 2013 khoảng 3m về phía đông, cũng được tiến hành để kết nối với dữ liệu trước đây.

- Thu thập mẫu phân tích cảm ứng cổ từ trường

Phương pháp phân tích cảm ứng cổ từ trường (*Magnetic susceptibility*, còn được gọi là “cổ cảm từ”) cũng được chuyên gia thuộc Đại học Kochi, Nhật Bản áp dụng tại các lớp văn hóa của hố TS1 và TS2. Phương pháp này hiện nay được ứng dụng rộng rãi trong việc nghiên cứu về địa chất học trên thế giới, thông qua việc xác định thông tin về tính chất từ trường và cấu trúc của các vật liệu. Với khảo cổ học nói riêng, phương pháp cảm ứng cổ từ trường có thể giúp xác định vị trí của các di tích khảo cổ bằng cách phát hiện sự thay đổi trong từ trường do sự hiện diện của vật thể khảo cổ gây ra; Đánh giá chức năng và nguồn gốc của các vật liệu khảo cổ; Đánh giá độ tuổi của các lớp đất bằng cách nghiên cứu sự biến động trong từ trường của chúng; đồng thời, nghiên cứu sự thay đổi, biến động của môi trường cổ (Alva Valdivia và nnk 2018).

Do vậy, mục tiêu của việc áp dụng phương pháp này trong đợt khai quật của chúng tôi nhằm ghi nhận sự thay đổi từ tính của các lớp trầm tích tích tụ theo thời gian hoặc do các hoạt động sinh hoạt của cư dân Óc Eo để lại, qua đó góp phần nghiên cứu về điều kiện và sự thay đổi của khí hậu, tái tạo lại diễn tiến lịch sử và thiết lập niên đại cho di tích và hiện vật tại di tích. Đây là một phương pháp mới, lần đầu tiên được áp dụng trong nghiên cứu tại di tích Nhơn Thành (Nguyễn Hoàng Bách Linh 2023). Chúng tôi sẽ trình bày chi tiết về ứng dụng và kết quả của phương pháp cảm ứng cổ từ trường tại di tích Nhơn Thành ở nghiên cứu tiếp theo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả khai quật

3.1.1. Hồ thám sát 23NT.TS1

Hồ thám sát ký hiệu 23NT.TS1 có diện tích 2m² (2 x 1)m theo chính hướng bắc - nam, trên phần đất đắp, hiện trồng cây hạnh và chuối. Diễn tiến địa tầng của hồ TS1 như sau:

Lớp 1: Là lớp bề mặt, dày khoảng 60cm, có thể phân tách thành hai phụ lớp: Lớp trên, dày khoảng 20 - 25cm, đất tơi xốp, chủ yếu có màu đen nâu (7.5YR 3/3), đôi chỗ vàng nhạt, chứa nhiều rễ cây lẫn một số hiện vật hiện đại và mảnh gốm Óc Eo. Lớp này theo nhận định ban đầu có thể được người dân địa phương đắp những năm gần đây trong quá trình cải tạo từ đất ruộng thành đất trồng cây ăn trái. Lớp dưới có màu tương đồng và lẫn vàng gỉ sắt, tuy nhiên kết cấu đất dễ chặt, lẫn một số mảnh gốm đặc trưng của giai đoạn Óc Eo phát triển. Đây có thể là lớp đất đắp ở giai đoạn sớm hơn.

Lớp 2: Bắt đầu lớp văn hóa của di tích, dày khoảng 50cm, đất màu xám đen (5Y5/1), đôi chỗ lẫn than tro và mùn thực vật, kết cấu tương đối dễ chặt. Lớp văn hóa gồm năm lớp đào, mỗi lớp dày 10cm, có đặc điểm tương đồng với không nhiều mảnh gốm được tìm thấy. Tuy nhiên, khu vực phía nam, từ lớp 2.2 đã ghi nhận sự xuất hiện của lớp đất màu xám đen pha cát, tơi xốp, người dân địa phương gọi là hiện tượng “gân cát”. Đáng chú ý, trong lớp 2.3 tìm thấy một mảnh vàng nhỏ ở độ sâu -93cm so với bề mặt hiện tại.

Lớp 3: Dày khoảng 30 - 35cm, đất có màu đen nâu (10YR 4/1), kết cấu tơi xốp hơn, bề mặt lớp này đất có màu vàng gỉ sét, bên trong chứa nhiều than và mùn thực vật, hầu như không tìm thấy hiện vật khảo cổ. Trong lớp này xuất lộ phần còn lại của một cột gỗ cắm xuyên qua sinh thổ bên dưới (Hình 7), cao độ +0,264m so với mực nước biển hiện đại, cách vách Đông 30cm, cách vách Nam 75cm, đường kính khoảng 10cm, bị mùn nát nhưng vẫn nhận diện được phần đáy vót nhọn và giữa thân được cắt gọt tạo dáng thắt eo.



**Hình 7. Cột gỗ
tại 23NT.TS1.L3**



Hình 8. Địa tầng hồ thám sát 23NT.TS1 (nhìn từ vách Tây)

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Sinh thổ: Lớp đất màu xanh xám thuần nhất (5Y 5/1), kết cấu dễ chặt, đặc trưng của vùng trũng thấp châu thổ sông Cửu Long (Hình 8).

3.1.2. Hồ thám sát 23NT.TS2

Hồ thám sát TS2 nằm cách TS1 khoảng 40m về phía đông, cùng trên phần đất hiện trồng cây hành, diện tích 2m² (2 x 1)m theo chính hướng đông - tây. Diễn biến địa tầng hồ thám sát TS2 như sau:

Lớp 1: Là lớp đất bề mặt hiện đại, có cao độ khoảng +1,15m so với mực nước biển hiện đại, đất có màu nâu xám lẫn vàng nhạt (10YR 4/3), kết cấu toi xốp. Lớp này dày khoảng 45 - 50cm, bên trong lẫn một vài mảnh gốm thô thuộc loại hình nôi, vò và mảnh bình kendy.

Lớp 2: Bên dưới lớp mặt xuất lộ một lớp đất nền đặc trưng dày khoảng 12 - 15cm, cao độ khoảng +0,75m đến +0,70m so với mực nước biển hiện đại. Đất có màu nâu gỉ vàng (7.5YR 4/6), kết cấu tương đối dẻo và bề mặt bằng phẳng. Nền đất này lẫn nhiều sạn sỏi và ghi nhận nhiều mảnh gốm thô cả ràng xương nâu đỏ và nôi gốm, một ít mảnh gốm mịn của bình kendy. Đây có thể là dấu vết còn lại của một nền đất đắp thuộc giai đoạn muộn của cư dân cổ Nhơn Thành. Biên phía bắc của nền đất đắp bị giới hạn bởi rìa của một bờ mương đào hiện đại, rộng 17 - 20cm từ vách bắc, đất màu xám xanh, sâu đến kết thúc lớp 2 (Hình 9).

Lớp 3: Nằm bên dưới nền đất đắp nâu vàng là một lớp đất màu nâu xám đen (10YR 4/1), xuất lộ ở cao độ +0,60m so với mực nước biển, kết cấu đất mềm, dẻo, hiện vật tìm thấy là các mảnh gốm nhưng số lượng ít hơn lớp 2, chủ yếu là các mảnh gốm thô pha cát và bã thực vật của loại hình cả ràng, nôi, vò cùng với một vài mảnh gốm mịn của loại hình bình gốm. Ở lớp này, đáng chú ý là sự xuất hiện của nhiều mẫu than nhỏ phân bố khắp hồ. Ở lớp đào 3.2 có sự khác biệt so với lớp trên là sự xuất hiện của một số mảnh gạch vỡ màu trắng hồng nhạt, mảnh cả ràng và mảnh nắp đậy.

Lớp 4: Lớp đất màu nâu đen xám (10YR 3/1), bắt đầu xuất lộ ở cao độ +0,40m so với mực nước biển hiện đại. Đất có đặc điểm ướt mềm, kết cấu dẻo, lẫn nhiều vết than tro và mùn thực vật, bề mặt có nhiều lỗ nhỏ li ti có thể là dấu vết của lớp lắng tụ/thấm thấu thường được ghi nhận ở nhiều di tích vùng thấp. Lớp thấm thấu này gồm ba lớp đào, trong đó, lớp 4.1 chỉ tìm thấy vài mảnh gốm thô pha cát và bã thực vật ở bề mặt. Lớp 4.2 có tính chất tương tự và một vài mảnh gốm được tìm thấy. Lớp 4.3 chứa nhiều tàn tích cỏ, mùn thực vật hơn, cuối lớp này bắt đầu xuất lộ nhiều mảnh gốm.



**Hình 9. Nền đất đắp
23NT.TS2.L2**
(Nguồn: Nhóm tác giả)



Hình 10. Địa tầng hồ 23NT.TS2 (nhìn từ vách Bắc)
(Nguồn: Nhóm tác giả)

Lớp 5: Là lớp đất màu nâu đen (7.5YR 3/1), kết cấu bờ rời, lẫn nhiều mùn thực vật, vệt than tro, xuất lộ ở độ sâu +0,10m so với mực nước biển hiện đại. Lớp này gồm hai lớp đào, trong đó, lớp 5.1 tìm thấy nhiều mảnh gốm, chủ yếu là gốm thô pha cát và pha bã thực vật, loại hình chủ yếu là của cà ràng và nôi gốm. Đặc biệt, trong lớp này chúng tôi tìm thấy một mảnh gáo dừa có vết cắt ngang ở thân, cùng với một tiêu bản nắp gốm (?) pha cát thô, vỡ một mảnh nhỏ ở rìa. Lớp 5.2 có tính chất và kết cấu đất tương tự như lớp 5.1, lẫn nhiều cây cỏ, mùn thực vật và mảnh gốm. Đáng chú ý, trong lớp này cũng tìm thấy một mảnh gáo dừa với cạnh được cắt phẳng, nằm ở góc đông bắc của hố, ngay bề mặt sinh thổ, ở cao độ -0,10m so với mực nước biển hiện đại. Theo chúng tôi, đây có thể là dấu vết tích tụ văn hóa của lớp cư trú sớm nhất của cư dân cổ Nhon Thành ngay trên nền đất sét tự nhiên.

Sinh thổ: Lớp đất tự nhiên nằm liền kề bên dưới lớp văn hóa hình thành đầu tiên (lớp 5), cao độ phân bố dao động từ -0,20m đến -0,30m so với mực nước biển hiện đại, đất có màu xanh xám đặc trưng (5Y 5/1), kết cấu dẽ chặt (Hình 10).

3.1.3. Hố khai quật 23NT.H1

Hố khai quật ký hiệu 23NT.H1, được mở về phía tây và cách hố TS2 khoảng 42m. Do hạn chế địa hình và tránh ảnh hưởng đến hiện trạng liếp đất đắp cũng như hoa màu hiện trồng, cho nên H1 được mở theo hướng đông - tây (đông lệch nam 10^0), với diện tích 4,5m² (3 x 1,5)m. Diễn tiến địa tầng của hố H1 như sau:

Lớp 1: Là lớp đất mặt hiện đại, kết cấu và tính chất tương tự như ở hố TS1 và TS2. Đất tơi xốp, có màu nâu xám, đôi chỗ gỉ vàng (10YR 4/3), cao độ hiện tại khoảng +1, 20m so với mực nước biển. Độ dày dao động từ 35-50cm. Trong lớp này tìm thấy một vài mảnh gốm mà qua so sánh loại hình học cho thấy thuộc về giai đoạn Óc Eo điển hình, bên cạnh là một số đồ vật hiện đại lẫn lộn. Bên dưới lớp 1, xuất lộ một nền đất đắp, ký hiệu F1 (feature 1) với kết cấu tơi xốp, màu nâu đỏ gỉ vàng (7.5YR 4/6), xuất lộ ở cao độ khoảng +0,80m



Hình 11. Nền đất đắp, ký hiệu F1, thuộc hố 23NT.H1

(Nguồn: Nhóm tác giả)

so với mực nước biển, chỗ dày nhất từ 20 - 25cm, kéo dài về phía tây với xu hướng mỏng dần, kết thúc ở vị trí cách vách tây 34cm. Lớp này, theo chúng tôi nhận định, có thể tương ứng với nền đất đắp (lớp 2) thuộc hố thám sát TS2 (Hình 11).

Lớp 2: Lớp đất có màu nâu xám (10YR 4/1), đôi chỗ pha xanh nhạt, kết cấu dẻo, lẫn nhiều than tro và đồ gốm, bề mặt tương đối đều. Hiện vật tìm thấy ở lớp 2.1 chủ yếu là đồ gốm với các mảnh gốm mịn, gốm thô pha cát, gốm thô pha bã thực vật thuộc các loại hình kandy, cà ràng, nôi, vò, vôi bình... Đáng chú ý, ở khu vực phía tây (ô C), tìm thấy hai chiếc vòng tay hờ dạng chữ C bằng chì - thiếc, còn nguyên vẹn. Đây là loại hình trang sức vòng tay đặc trưng của di tích Nhon Thành. Hai vòng tay này nằm gần như cùng vị trí với cao độ cách nhau không đáng kể. Lớp 2.2 có tính chất và kết cấu đất tương tự, xuất lộ một cột gỗ thuộc ô B, cách vách nam khoảng 20cm, cao độ +0,532m so với mực nước biển. Trong lớp này cũng tìm thấy nhiều mảnh gốm thô pha cát, pha bã thực vật và gốm mịn.

Lớp 3: Là lớp đất màu nâu đen (10YR 3/1), kết cấu dẻo, ẩm ướt, mịn, xuất lộ ở cao độ +0,70m (khu vực phía tây) đến +0,60m (khu vực phía đông) so với mực nước biển hiện đại, tính chất khác biệt rõ so với lớp 2 bên trên. Lớp này có xu hướng võng nhẹ ở khu vực trung tâm, được chia thành ba lớp đào. Ở lớp 3.1, đồ gốm xuất lộ đều cả hố, trong đó, khu vực phía đông của hố (ô A) ghi nhận nhiều mảnh gốm mịn và mảnh vỡ lớn của bình kandy; Khu vực trung tâm (ô B) và phía tây (ô C) tìm thấy cả gốm mịn, gốm thô pha cát và pha bã thực vật. Loại hình và chất liệu đồ gốm không có nhiều khác biệt so với lớp trên. Với hai lớp kế tiếp, tính chất đất tương tự, tuy nhiên trong lớp này ghi nhận sự hiện diện của than, răng - xương động vật, bên cạnh các loại hình đồ gốm thuộc giai đoạn Óc Eo điển hình với số lượng ít hơn so với lớp 3.1. Cột gỗ xuất lộ ở lớp trên tiếp tục xuyên qua lớp 3 với dấu vết dẽo gọt và thuôn dần.

Sinh thổ: Là lớp đất màu xám xanh (5Y 5/1), kết cấu dẽo chặt, cao độ xuất lộ từ +0,10m so với mực nước biển hiện đại (Hình 12). Cọc gỗ xuất hiện ở lớp trên đến lớp này chỉ còn phần đầu nhọn cắm vào lớp đất sét sinh thổ.



Hình 12. Địa tầng hố 23NT.H1 (nhìn từ vách Bắc) (Nguồn: Nhóm tác giả)

Kết quả khai quật cho thấy, cấu trúc địa tầng của các hố có sự khác biệt: Bên dưới lớp đất mặt tại hố TS1 ghi nhận lớp văn hóa không rõ ràng với hiện vật tìm thấy thưa thớt, bên dưới là một tầng mùn màu nâu đen dày khoảng 30 - 40cm và lớp sinh thổ màu xám xanh. Trong khi đó, hố TS2 và H1 có sự kết nối rõ về địa tầng:

Lớp 1: Lớp đất đắp xáo trộn, dày khoảng 40 - 50cm, gồm hai giai đoạn đắp khác nhau, trong đó lớp đất đắp phía trên dày khoảng 20cm, toí xốp hơn, có thể được hình thành vào thời gian gần đây. Trong lớp này tìm thấy các mảnh gốm thuộc giai đoạn Óc Eo điển hình cùng một số vật dụng hiện đại.

Lớp 2: Ghi nhận một lớp đất màu nâu vàng, kết cấu toí xốp, dày từ 15 - 20cm, xuất hiện ở hố TS2, có xu hướng mỏng dần về phía tây và kết thúc ở khoảng 2/3 hố H1. Đây có thể là lớp đất đắp tạo nền cư trú (dạng gò) của cư dân cổ Nhon Thành ở giai đoạn muộn hơn của văn hóa Óc Eo. Trên lớp này ghi nhận rất nhiều mảnh gốm vỡ thuộc nhiều loại hình và chất liệu thuộc giai đoạn Óc Eo điển hình.

Lớp 3: Là lớp văn hóa chính của di tích Nhon Thành, dày từ 25 - 30cm, tìm thấy nhiều đồ gốm thuộc giai đoạn văn hóa Óc Eo phát triển.

Lớp 4: Là lớp lắng tụ văn hóa, dày từ 25 - 35cm, với một ít đồ gốm được tìm thấy.

Lớp 5: Chỉ ghi nhận ở hố TS2, bên dưới lớp thăm thấu là một lớp văn hóa dày khoảng 25cm, với các loại đồ gốm qua nghiên cứu so sánh và tham khảo ý kiến của các chuyên gia, có thể thuộc vào giai đoạn đầu của thời kỳ Óc Eo phát triển. Do đó, có thể cho rằng đây là dấu tích văn hóa thuộc về giai đoạn cư trú đầu tiên của cư dân cổ Óc Eo tại đây.

Bên dưới: Là sinh thổ màu xám xanh đặc trưng của vùng trũng thấp đồng bằng sông Cửu Long (Nguyễn Hoàng Bách Linh và nnk 2023).

Ngoài ra, tại mỗi hố TS1 và H1 xuất lộ phần mũi nhọn còn lại của cột gỗ có vết chẻ tác rõ ràng, có thể thuộc về một công trình kiến trúc bằng gỗ của cư dân cổ Nhon Thành. Đồng thời, trong lớp văn

hóa sớm nhất tại hố TS2, chúng tôi tìm thấy 02 mảnh gáo dừa, cả hai đều có dấu vết cắt ngang sắc rõ. Hiện vật tìm thấy trong tầng văn hóa các hố thám sát và khai quật chủ yếu là đồ gốm với các loại hình phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày của cư dân cổ Ốc Eo, bên cạnh một số tiêu bản đồ trang sức.

3.2. Kết quả chỉnh lý hiện vật

3.2.1. Xử lý mẫu vi tư liệu

Tổng số 26 mẫu sàng ướt bằng lưới 5mm và 1mm của đợt khai quật 2023 đã được xử lý, phân loại và thống kê với tổng khối lượng mẫu thu được là 12.440gam (Hình 13). Kết quả sau khi sàng lọc đất, mảnh gốm vụn lẫn trong mẫu cho thấy, mẫu than cháy/gỗ phân hủy chiếm số lượng lớn nhất với khối lượng 827,17gam; Tổng số các mẫu vi tư liệu thu thập được có khối lượng 306,86gam, bao gồm: 662 hạt gạo cháy hoặc phân hủy, 543 vỏ thực vật, 385 hạt thực vật các loại và 06 mẫu nhựa cây. Cùng với đó là 290 mảnh xương thú, 152 mảnh xương cá và 91 mảnh vỏ nhuyễn thể. Ngoài ra, trong các mẫu sàng còn tìm thấy 101 mảnh xỉ kim loại/thủy tinh cùng 12 hạt chuỗi thủy tinh (Bảng 1).



Hình 13. Xử lý và thu thập vi tư liệu di tích Nhơn Thành

(Nguồn: Nhóm tác giả)

Cụ thể, tại hố TS1 có diện tích 2m², kết quả khai quật và phân tích địa tầng đã cho thấy có thể khu vực này thuộc về vùng rìa của khu vực cư trú chính, hoặc vốn là một vùng trũng thấp vào thời kỳ Ốc Eo với lớp văn hóa chứa ít đồ gốm. Vi tư liệu thu thập được bao gồm: 155 mảnh xương thú, 145 mảnh xương cá, 66 mảnh vỏ nhuyễn thể, 31 hạt thực vật, 39 hạt gạo cháy/ phân hủy, 134 mẫu vỏ cây, 02 mẫu nhựa cây, 05 hạt chuỗi thủy tinh và 79 mẫu xỉ. Đáng chú ý, tại lớp L2.2 của hố TS1, chúng tôi tìm thấy 01 hạt chuỗi bằng đất nung, đường kính 7,5mm, có khả năng là hạt lắc thường chứa trong các lục lạc đất nung phổ biến trong văn hóa Ốc Eo.

Hố TS2, có cùng diện tích với TS1, với tầng văn hóa ổn định và đặc trưng nhất, tìm thấy 82 mảnh xương thú, 07 mảnh xương cá, 13 mảnh vỏ nhuyễn thể, 191 hạt thực vật, 158 hạt gạo cháy/ phân hủy, 162 mẫu vỏ cây, 02 mẫu nhựa cây, 02 hạt chuỗi thủy tinh và 07 mẫu xỉ. Trong lớp L4.2 của hố thám sát này tìm thấy 01 mẫu xương thú có lỗ nhỏ xuyên qua.

Bảng 1. Kết quả phân loại sơ bộ vi tư liệu thu thập tại di tích Nhơn Thành 2023 (Nguồn: Nhóm tác giả)

Hố/Lớp	Xương thú	Xương cá	Nhuyễn thể	Hạt thực vật	Hạt lúa/gạo	Vỏ cây	Nhựa cây	Hạt chuỗi	Xỉ
23NT TS1 L2-1	28	13	9	4	6		2	1	17
23NT TS1 L2-2	4	126	49	3	3			2	33
23NT TS1 L2-3	76	4	4	3	19			1	11
23NT TS1 L2-4	21			6	8			1	18
23NT TS1 L2-5	5				2	24			
23NT TS1 L3-1	17		3	8		33			
23NT TS1 L3-2	4		1	6		77			
23NT TS1 L3-3		2		1	1				
	155	145	66	31	39	134	2	5	79
23NT TS2 L2-1	28		3	2					
23NT TS2 L3-1	7	7	1		3		1	1	4
23NT TS2 L3-2	29		5		13		1	1	2
23NT TS2 L4-1	1		1	1	21				1
23NT TS2 L4-2	6			32	38	6			
23NT TS2 L4-3	5		3	107	75	92			
23NT TS2 L5-2	6			49	8	64			
	82	7	13	191	158	162	2	2	7
23NT H1 L1F1	20			2	6			1	
23NT H1 L2-1 a	7			7	16			2	2
23NT H1 L2-1 c				4	33		1		
23NT H1 L2-2 a	7		2	64	37	222			1
23NT H1 L2-2 c	1		1	1	14				
23NT H1 L3-1 a	1		3	2	17	3			3
23NT H1 L3-1 c			2	4	61				2
23NT H1 L3-2 a	5		2	17	96	10		2	5
23NT H1 L3-2 c	4			9	122		1		
23NT H1 L3-3 a	1		1	17	13				1
23NT H1 L3-3 c	7		1	36	50	12			1
	53	0	12	163	465	247	2	5	15
Tổng cộng	290	152	91	385	662	543	6	12	101

Còn tại hố H1, vi tư liệu tìm thấy gồm có 53 mảnh xương thú, 12 mảnh vỏ nhuyễn thể, 163 hạt thực vật, 465 hạt gạo cháy/phân hủy, 247 mẫu vỏ cây, 02 mẫu nhựa cây, 05 hạt chuối thủy tinh và 15 mẫu xỉ, trong đó, không tìm thấy mẫu xương cá.

Với diện tích khai quật khiêm tốn chỉ 8,5m², qua quá trình sàng lọc và phân loại kỹ lưỡng đã mang lại lượng vi tư liệu phong phú về số lượng và đa dạng về chủng loại. Những loại hình cụ thể đã được gửi cho các chuyên gia trong và ngoài nước giám định và phân tích. Đây sẽ là những thông tin quan trọng và có giá trị trong việc nhận thức về điều kiện môi trường cổ và cuộc sống của cộng đồng cư dân Nhon Thành vào giữa thiên niên kỷ thứ nhất Công nguyên tại vùng đồng bằng trũng thấp Ô Môn - Phụng Hiệp.

3.2.3. Chính lý hiện vật

Đợt khai quật năm 2023 tìm thấy 1.513 hiện vật thu được ở ba hố thám sát và khai quật, trong đó chủ yếu là mảnh gốm vỡ với 1.462 tiêu bản, chiếm 96% tổng số hiện vật (Bảng 2). Chiếm số lượng nhiều nhất là ở hố khai quật H1 với 785 mảnh, hố TS2 là 446 mảnh và hố TS1 là 282 mảnh. Trong tầng văn hóa còn tìm thấy 44 mảnh vỡ đất nung với hình dáng không định hình, 03 mảnh đá, 03 mảnh gỗ vỡ, 01 mẫu xỉ kim loại. Bên cạnh đó, đợt khai quật cũng tìm thấy 10 hiện vật đặc biệt, gồm 02 vòng tay kim loại nguyên vẹn, 02 mảnh vàng nhỏ, 02 mảnh gáo dừa, 02 cọc gỗ có vết chẻ tác, 01 tiêu bản đèn gốm và 01 công cụ kim loại.

Bảng 2. Kết quả chính lý di vật gốm tại di tích Nhon Thành 2023 (Nguồn: Tác giả)

Kí hiệu	GỐM MỊN					GỐM THÔ PHA THỰC VẬT					GỐM THÔ PHA CÁT					CÀ RÀNG PHA THỰC VẬT				CÀ RÀNG PHA CÁT				ĐẤT NUNG	ĐÁ	KHÁC	TỔNG			
	Miệng	Thân trơn	Thân hoa văn	Đế	Vòi bình	Nắp đáy	Miệng	Thân trơn	Thân hoa văn	Đế	Vòi bình	Nắp đáy	Miệng	Thân trơn	Thân hoa văn	Đế	Nắp	Vòi	Đầu	Thân	Vành	Đế	Đầu					Thân	Vành	Đế
23.NT.H1	13	259		13	12		19	263	13	4	1	2	27	87	17	11	1		2		9				5		25	2		785
23.NT.TS1	9	86		2	1		2	138				1	8	24	1					1	2	1					5		1	282
23.NT.TS2	14	95		8	2		25	177	11	5		2	16	57	7		1				7	1					14	1	3	446
	36	440		23	15		46	578	24	9	1	5	51	168	25	11	2		2	1	18	2			5		44	3	4	1513

Đồ gốm Nhon Thành gồm có ba loại chất liệu cơ bản là loại gốm mịn, gốm thô pha bã thực vật và gốm thô pha cát, tương tự như các di tích cư trú hiện biết trong văn hóa Óc Eo với các đặc trưng: Gốm mịn có bề mặt màu hồng nhạt hay nâu đỏ nhạt, xương màu xám trắng, bề mặt nhẵn mịn; Gốm thô pha bã thực vật có bề mặt màu nâu đỏ nhạt hoặc xám, xương màu xám đen, xương gốm dày, một số ít mảnh gốm có hiện tượng pha thêm cát với số lượng ít vào thành phần chính là bã thực vật; Gốm thô pha cát phổ biến có màu xám, bề mặt nhám do pha nhiều cát hạt thô (Bảng 3). Trong đó,

Bảng 3. Phân loại mảnh gốm tại di tích Nhon Thành (Nguồn: Tác giả)

	Gốm mịn	Gốm thô pha thực vật	Gốm thô pha cát	Tổng
Miệng	36	46	51	133
Thân trơn	440	578	168	1186
Thân hoa văn		24	25	49
Đế	23	9	11	43
Vòi bình	15	1		16
Nắp đáy		5	2	7
Cà ràng		23	5	28
Tổng	514	686	262	1462

gốm pha bã thực vật chiếm số lượng nhiều nhất với 686 mảnh (bao gồm mảnh vỡ cà ràng cùng chất liệu), chiếm tỷ lệ 46,9% (trên tổng số 1.462 mảnh gốm), ít hơn là gốm mịn với 514 mảnh, chiếm tỷ lệ 35,2%, còn gốm thô pha cát có 262 mảnh (bao gồm mảnh vỡ cà ràng cùng chất liệu), chiếm tỷ lệ 17,9%.

Qua chỉnh lý sơ bộ cho thấy, chiếm số lượng nhiều nhất là mảnh gốm thân trơn với 1.186 mảnh, chiếm tỷ lệ 81,1%, trong đó mảnh gốm thân trơn pha bã thực vật có số lượng nhiều nhất, ít hơn là gốm mịn, ít nhất là gốm thô pha cát. Mảnh miệng tìm thấy 133 tiêu bản, chiếm tỷ lệ 9,1%, nhiều nhất là mảnh miệng thuộc dòng gốm thô pha cát với 51 mảnh. Trong khi đó, mảnh thân gốm có trang trí hoa văn chiếm số lượng ít, chỉ 49 mảnh, chiếm tỷ lệ 3,4%, chỉ ghi nhận trên nhóm chất liệu gốm thô pha bã thực vật và pha cát với số lượng gần tương đương nhau. Mảnh đế với 43 mảnh, chiếm 2,9%, nhiều nhất là gốm mịn với 23 mảnh, gốm thô pha bã thực vật 09 mảnh và gốm thô pha cát 11 mảnh.

Về loại hình, phổ biến là loại bình hoặc bình kandy làm từ gốm mịn với các mảnh vỡ của miệng, thân, đế hay vôi bình với các đặc điểm gốm màu hồng nhạt, xương màu xám trắng, miệng có gờ vuốt mỏng tròn đều, cổ thắt. Vôi bình tìm thấy tại các hố khai quật không nhiều, chỉ 16 tiêu bản gần nguyên hoặc vỡ, chiếm tỷ lệ 1,1%, trong đó, chủ yếu là loại vôi bình bằng gốm mịn với 15 hiện vật và 01 mảnh làm từ gốm thô pha bã thực vật, không ghi nhận loại hình bằng chất liệu pha cát. Vôi bình đa số được tạo hình kiểu vôi ngắn, dáng thẳng, chân phình rộng thu nhỏ dần lên trên, đầu vôi có gờ tròn, kiểu dáng tiêu biểu thuộc giai đoạn văn hóa Óc Eo phát triển.

Các loại hình nôi, vò với chất liệu chính từ gốm thô pha bã thực vật, bề mặt có màu xám hoặc nâu đỏ nhạt, xương gốm đen, bở, trong đó, phổ biến là loại nôi có dáng tròn, vành miệng loe làm từ gốm thô pha cát. Nắp đây có số lượng rất ít, chỉ với 7 mảnh vỡ và 01 tiêu bản gần nguyên tìm thấy ở lớp L5.1 của hố TS2, chiếm 0,5%, chỉ ghi nhận trên hai loại chất liệu là gốm thô pha thực vật (05 mảnh) và gốm thô pha cát (03 mảnh). Loại hình cà ràng tìm thấy 28 tiêu bản, chiếm tỷ lệ 1,9%, là mảnh vỡ của phần thân, vành miệng và đế. Chất liệu chiếm số lượng nhiều là sét pha bã thực vật (23 mảnh), còn lại là chất liệu sét pha cát thô.

Hoa văn trên gốm có số lượng không nhiều với mô típ đơn giản, hầu hết chỉ ghi nhận trên loại chất liệu gốm thô pha thực vật (24 mảnh, chiếm 4% tổng số mảnh thân cùng chất liệu) và gốm thô pha cát (25 mảnh, chiếm 13% tổng số mảnh thân cùng chất liệu), gồm hai loại hoa văn chính là văn kỹ thuật và văn trang trí. Văn kỹ thuật với dạng phổ biến là đập thừng trên thân các nôi hay vò gốm. Văn trang trí chủ yếu trên chất liệu gốm thô pha thực vật với kỹ thuật khắc bằng que nhọn các họa tiết dạng sóng nước.

Về đặc điểm phân bố của các mảnh gốm trong địa tầng các hố, hố TS1 cho thấy lớp mặt, tuy là lớp đất được đào lấp hiện nay nên có hiện tượng xáo trộn, nhưng vẫn ghi nhận rất nhiều mảnh gốm, các lớp bên dưới (lớp 2) với địa tầng đặc trưng của tích tụ vùng trũng thấp nên số lượng di vật tìm thấy ít hơn, nhưng tương đối đều ở giữa các lớp đào và mảnh gốm thô pha thực vật và gốm mịn được tìm thấy nhiều hơn so với gốm thô pha cát. Trong khi đó, tại hố TS2, địa tầng của hố thể hiện các lớp cụ thể, các mảnh gốm tập trung nhiều nhất ở lớp 2 (nền đất đắp) và lớp 3 (lớp văn hóa chính) của hố, đến lớp 4 (lớp thâm thấu) và 5 (lớp văn hóa sớm nhất) thì giảm dần nhưng số lượng gần bằng nhau. Chất liệu gốm ở TS2.L2 và TS2.L3 bao gồm cả ba loại chất liệu, nhiều nhất là gốm thô pha thực vật với đầy đủ các loại hình mảnh miệng, mảnh thân hoa văn, đế, vôi bình, nắp đây và cà ràng. Các lớp bên dưới (TS2.L4-5) số lượng giảm hẳn, loại hình chủ đạo là các mảnh thân trơn từ chất liệu gốm thô pha thực vật. Hố H1 cũng ghi nhận hiện tượng tương tự như ở TS2, mảnh gốm tập trung nhiều hơn ở các lớp trên. Đáng chú ý là ở F1 số lượng mảnh gốm tìm thấy nhiều nhất. Chất liệu đồ gốm ở các lớp này cũng gồm ba nhóm phổ biến, trong đó đa số là gốm thô pha thực vật với đa dạng loại hình gồm mảnh miệng, mảnh thân, đế, vôi bình, nắp đây. Ở H1.L3, số lượng mảnh

gốm giảm hơn so với lớp trên, nhưng nhìn chung số lượng mật độ mảnh gốm ở các lớp đào tương đối đều nhau từ trên xuống dưới. Về chất liệu gốm của lớp 3 tương tự như các lớp trên với loại gốm thô pha thực vật giữ vai trò chủ đạo với mảnh gốm thân trơn, bên cạnh các loại hình như miệng, đế, vôi bình, nắp đáy, ít hơn là gốm mịn.

Kết quả chỉnh lý sơ bộ hiện vật gốm cho thấy, khu vực hố TS2 và H1 có mật độ cư trú dày đặc, nhất là ở lớp văn hóa chính (TS2.L3 với H1.F1 và H1.L2) cùng sự đa dạng của loại hình, có thể đây là giai đoạn phát triển nhất của di tích Nhơn Thành. Ở các lớp dưới, mật độ gốm thưa hơn nhưng vẫn thể hiện đầy đủ các loại chất liệu và loại hình gốm. Các đồ án hoa văn tuy không nhiều song cũng nhận diện được một số mô típ thường thấy trên thân của các loại hình đồ đựng. Di vật gốm giữa hai lớp cư trú sớm muộn về chất liệu lẫn loại hình cho thấy chúng không có sự khác biệt nhau, mang đặc trưng chung của đồ gốm văn hóa Óc Eo giai đoạn phát triển, khoảng thế kỷ IV - VI. Tư liệu gốm sẽ được phân loại sâu hơn để có sự so sánh với phổ hệ gốm Óc Eo đã biết, nhằm góp phần nhận diện về niên đại, kỹ thuật và giao lưu văn hóa của cư dân cổ Nhơn Thành với các trung tâm, khu định cư lân cận.

Đồng thời, các mẫu khoan địa lý và các mẫu đất phục vụ cho việc phân tích bào tử phấn hoa, tảo cát và cảm ứng cổ từ trường từ cũng hứa hẹn sẽ cung cấp những thông tin khoa học về quá trình thành tạo của khu vực Ô Môn - Phụng Hiệp, góp phần quan trọng cho việc tái hiện lại môi trường cổ cùng những sự thay đổi của môi trường theo chiều dài lịch sử từ trước khi vùng đất Nhơn Thành được ổn định và những cư dân Óc Eo đầu tiên đến và phát triển.

3.3. Kết quả phân tích niên đại

Đến thời điểm hiện tại, 08 mẫu từ cuộc khai quật năm 2023 tại di tích Nhơn Thành đã được chúng tôi lựa chọn để phân tích niên đại (*Bảng 4*). Trong đó, 05 mẫu thuộc hố TS2 và H1, bao gồm 04 mẫu than có nguồn gốc từ gỗ hay thực vật và 01 mẫu từ chiếc gáo dừa, được gửi phân tích tại phòng thí nghiệm Paleo (Paleo Labo Co., Ltd., Nhật Bản). Kết quả niên đại tập trung từ nửa sau thế kỷ thứ IV đến nửa đầu thế kỷ V. Đặc biệt, mẫu gáo dừa (ký hiệu mẫu PLD-50831) thuộc lớp văn hóa sớm nhất tại hố 23NT.TS2.L5-2 cho niên đại 6-86 cal. AD (74.90%), tương ứng thế kỷ thứ nhất Công nguyên. Ba mẫu còn lại được gửi phân tích tại phòng thí nghiệm Beta (Beta Analytic Radiocarbon Dating Laboratory, Nhật Bản), bao gồm mẫu của 02 cột gỗ thuộc hố TS1 và H1 cùng với 01 mẫu từ chiếc gáo dừa khác tìm thấy ở tầng văn hóa sớm nhất của hố TS2. Kết quả cho thấy, cả 03 mẫu phân tích đều cho niên đại trong khoảng đầu thế kỷ V đến giữa thế kỷ VI, tương ứng giai đoạn Óc Eo phát triển. Các kết quả phân tích niên đại này, cùng với những nhận định sơ bộ qua kết quả chỉnh lý hiện vật tìm thấy trong tầng văn hóa tương ứng, góp phần củng cố nhận định về niên đại của di tích Nhơn Thành tại các hố khai quật cũng như các kết quả nghiên cứu trước đây (Nishimura và nnk 2008; Bùi Chí Hoàng (chủ biên) 2018; Bùi Chí Hoàng và nnk 2019). Theo đó, Nhơn Thành có thể xem là một khu định cư quy mô lớn của cộng đồng cư dân cổ Óc Eo với quá trình cư trú đã diễn ra tập trung từ khoảng thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ VI, tương ứng với giai đoạn phát triển mạnh mẽ của văn hóa Óc Eo. Đồng thời, với việc ghi nhận lớp cư trú trên nền đất đắp tại hố TS2 và H1, có thể cho rằng đây là lớp cư trú của cư dân cổ ở giai đoạn muộn hơn. Mặt khác, như kết quả phân tích niên đại từ chiếc gáo dừa tìm thấy ở lớp văn hóa đầu tiên, lớp L5.2 của hố thám sát TS2, chúng ta có thể giả định rằng, địa điểm Nhơn Thành này có thể đã có người đến cư trú sớm hơn, từ thời kỳ Óc Eo sớm vào đầu Công nguyên.

Bảng 4. Kết quả phân tích 08 mẫu niên đại thuộc di tích Nhơn Thành (Nguồn: Nhóm tác giả)

Lab No. Sample No.	Sample type	$\delta^{13}\text{C}$ (‰)	Conventional 14C Age (rounded) (yrBP $\pm 1\sigma$)	Calibrated Age	
				1 σ	2 σ
PLD-50831 Sample No.23.NT.TS2.L5-2	coconut shell	-22.95 $\pm$ 0.21	1970 $\pm$ 20	21- 79 cal AD (63.60%) 101-106 cal AD (4.67%)	34- 15 cal BC (5.78%) 6- 86 cal AD (74.90%) 93-119 cal AD (14.77%)
PLD-50832 Sample No.23.NT.TS2.L3-2	charcoal (wood)	-25.97 $\pm$ 0.22	1625 $\pm$ 20	414-435 cal AD (34.86%) 465-475 cal AD (10.93%) 500-508 cal AD (7.34%) 516-530 cal AD (15.14%)	408-443 cal AD (40.99%) 448-480 cal AD (19.80%) 493-537 cal AD (34.65%)
PLD-50833 Sample No.23.NT.TS2.L4-1	charcoal (wood)	-25.90 $\pm$ 0.20	1675 $\pm$ 20	365-369 cal AD (3.44%) 377-417 cal AD (64.83%)	263-275 cal AD (7.38%) 347-422 cal AD (88.07%)
PLD-50834 Sample No.23.NT.H1.L3-3.oB	charcoal (wood)	-27.95 $\pm$ 0.22	1660 $\pm$ 20	382-397 cal AD (15.72%) 402-423 cal AD (52.55%)	264-274 cal AD (3.06%) 349-433 cal AD (90.65%) 469-472 cal AD (0.53%) 519-527 cal AD (1.21%)
PLD-50835 Sample No.23.NT.H1.L3-3.oC	charcoal (plant)	-26.07 $\pm$ 0.20	1650 $\pm$ 20	403-433 cal AD (65.16%) 471-471 cal AD (0.43%) 520-525 cal AD (2.69%)	267-270 cal AD (0.48%) 364-437 cal AD (78.60%) 462-476 cal AD (4.74%) 498-533 cal AD (11.63%)
Beta- 690482 Sample No.23NT H1	wooden column	-27.69	1600 $\pm$ 30	496-535 cal AD (32%) 449-478 cal AD (23.4%) 425-441 cal AD (12.7%)	416-545 cal AD (95.4%)
Beta- 690483 Sample No.23NT TS1	wooden column	-26.04	1580 $\pm$ 30	435-465 cal AD (28.1%) 474-500 cal AD (23.6%) 530-540 cal AD (9%) 508-516 cal AD (7.4%)	420-556 cal AD (95.4%)
Beta- 690484 Sample No.23NT TS2 L5-1	coconut shell	-25.72	1570 $\pm$ 30	435-465 cal AD (24.9%) 474-501 cal AD (22.4%) 530-547 cal AD (14.2%) 507-516 cal AD (6.7%)	424-564 cal AD (95.4%)

4. Kết luận

Văn hóa Óc Eo, trải qua một lịch sử phát hiện và nghiên cứu gần 80 năm từ cuộc khai quật của Louis Malleret trên cánh đồng Óc Eo, đã được nhận diện cơ bản về không gian phân bố, đặc trưng di tích - di vật, niên đại, đời sống vật chất - tinh thần cũng như quan hệ văn hóa giữa Óc Eo với các nền văn hóa cổ đồng đại trong khu vực và rộng hơn. Trong xuyên suốt chiều dài lịch sử đó, đối tượng nghiên cứu trọng tâm là những trung tâm lớn và quan trọng như Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa, Gò Tháp, Gò Đồn - Bình Tả... với các di tích kiến trúc, công trình tôn giáo cùng những di vật kèm theo. Chỉ khoảng hai thập niên gần đây, các nhà nghiên cứu mới bắt đầu dành sự quan tâm trong việc nghiên cứu về đời sống sinh hoạt của cộng đồng cư dân cổ Óc Eo, và chỉ khoảng một thập niên gần đây, các

phương pháp nghiên cứu vi tư liệu và liên ngành, dựa trên nền tảng khảo cổ học, mục tiêu không chỉ nhận diện về đời sống của cư dân cổ mà còn tìm hiểu về điều kiện môi trường, mối quan hệ, thích ứng và khai thác của cư dân Óc Eo với môi trường cổ... mới bắt đầu được tiến hành.

Di tích Nhon Thành, trải qua bốn đợt khai quật từ thập niên 1990 đến 2013, đã được nhận diện là một trong những di tích có tích tụ văn hóa ổn định nhất của miền châu thổ với tầng văn hóa dày trung bình từ 0,4 đến 0,7m, do vậy rất có ý nghĩa trong việc tham khảo và đối chiếu khi nghiên cứu; Đồng thời Nhon Thành cũng là một trung tâm dân cư lớn và quan trọng của văn hóa Óc Eo vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với niên đại tồn tại tương ứng với giai đoạn phát triển của văn hóa Óc Eo từ thế kỷ IV đến thế kỷ VII, phân bố trên một không gian quy mô lớn (khoảng 56 hecta) và mang những đặc trưng hết sức tiêu biểu cho việc thích ứng với cuộc sống vùng ngập trũng của cộng đồng cư dân cổ. Nhon Thành đã hình thành một “đô thị sông nước” với lối cư trú ven các con kênh, lung, gắn với hình ảnh “trên bến dưới thuyền”, cư dân dựng nhà sàn hoặc cư trú trên nền đất cao để chống lũ lụt, ẩm ướt. Hơn nữa, tại di tích này còn phản ánh những yếu tố của một không gian đô thị, từ dấu tích của các kiến trúc tôn giáo, khu vực cư trú, bến thuyền, di chỉ xưởng chế tác thủ công và kết hợp hài hòa với hệ thống thủy lộ, mang những “đặc điểm của một xã hội nông - thương phát triển trên vùng đất nằm sâu trong nội địa của miền đồng bằng”. Qua đó, góp phần hình dung về diện mạo đời sống thường nhật của cư dân cổ văn hóa Óc Eo lúc bấy giờ (Bùi Chí Hoàng và nnk 2019: 127).

Đây là những nền tảng tư liệu và nhận thức quan trọng được chúng tôi kế thừa. Thông qua chương trình khai quật và nghiên cứu năm 2023, với sự hợp tác chặt chẽ giữa các nhà khảo cổ học Việt Nam và các chuyên gia liên ngành Nhật Bản, bên cạnh việc kiểm chứng địa tầng và kết nối với tư liệu trước đây, các mẫu phân tích niên đại tuyệt đối cùng hiện vật tìm thấy trong các lớp văn hóa khác nhau đã một lần nữa củng cố nhận định về quá trình hình thành và phát triển của Nhon Thành với khung niên đại khoảng từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ thứ VI và có thể kéo dài hơn một chút, cũng như những đặc trưng của lối cư trú trên nhà sàn và nền đất đắp ở vùng trũng thấp Nhon Thành đặt trong bối cảnh chung của văn hóa Óc Eo Nam Bộ Việt Nam được ghi nhận qua các lớp văn hóa. Đồng thời cũng ghi nhận bằng chứng của sự chiếm cư có thể đã diễn ra ở thời kỳ Óc Eo sớm khoảng đầu Công nguyên.

Quá trình khai quật và xử lý hiện trường, chúng tôi đã thu được khối lượng vi tư liệu phong phú và các mẫu phục vụ cho các phân tích chuyên sâu như bào tử phấn hoa, tảo cát, cảm ứng cổ từ trường, địa lý... sẽ góp phần quan trọng để có thể nhận thức và tái hiện lại quá trình thành tạo địa lý của khu vực, trầm tích và điều kiện của môi trường cổ cùng những sự thay đổi theo thời gian, nhận diện về đời sống, khai thác tự nhiên và thích nghi với điều kiện trũng thấp và lối cư trú ven sông của cư dân cổ Nhon Thành thời bấy giờ. Qua đó, góp phần giải đáp về đời sống vật chất, văn hóa thường nhật của các nhóm cộng đồng cư dân cổ Óc Eo ở khu vực nội địa, với những đặc trưng khác biệt so với “văn hóa biển” vốn được gắn với các đô thị mà hoạt động giao thương hàng hải đã được chứng minh như Óc Eo, Nền Chùa. Đồng thời, các phân tích này sẽ cung cấp cơ sở quan trọng để

làm rõ mối quan hệ giao lưu văn hóa, trao đổi năng động giữa không gian nội địa với vùng đồng bằng ven biển Nam bộ và xa hơn vào thời kỳ Óc Eo.

Mặt khác, việc áp dụng các phương pháp phân tích liên ngành trong nghiên cứu khảo cổ học nói chung và văn hóa Óc Eo nói riêng sẽ mở ra các hướng nghiên cứu mới và triển vọng hợp tác trong và ngoài nước, từ đó góp phần bổ khuyết cho nhận thức về cơ tầng văn hóa phong phú và đa dạng của nền văn hóa cổ Óc Eo ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Lời cảm ơn:

Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến Lãnh đạo Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ và PGS.TS. Bùi Chí Hoàng - Ủy viên Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia; Lãnh đạo và đồng nghiệp Trung tâm Khảo cổ học, Bảo tàng Thành phố Cần Thơ, Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình cùng chính quyền và người dân địa phương đã hỗ trợ và tham gia đợt khai quật. Chúng tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn đến các chuyên gia và đồng nghiệp Nhật Bản - Việt Nam đã tham gia khai quật và lấy mẫu phân tích, đặc biệt là GS. Sumiko KUBO (Đại học Waseda) đã hỗ trợ phân tích các mẫu niên đại, TS. Ayako FUNABIKI (Đại học Khoa học Tokyo) với các mẫu khoan địa lý, TS. Yu KITAHARA (Đại học Kochi) với các phân tích cảm ứng cổ từ trường TS. Emiri MIYAMA (Đại học Kanazawa), ThS. Tomomi SUZUKI (Viện Khảo cổ học Kashihara, Nara), Harukazu ISHII (Trung tâm Nghiên cứu tài sản Văn hóa tỉnh Saitama), TS. Nguyễn Thị Mai Hương (Viện Khảo cổ học) với phân tích bào tử phấn hoa và TS. Nguyễn Thị Thu Cúc (trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội) với phân tích tảo cát.

Đề tài nghiên cứu được thực hiện với sự hỗ trợ của Quỹ Resonacho Châu Á và Châu Đại Dương (Nhật Bản) và Hội Phát triển Khoa học Nhật Bản (JSPS KAKENHI, mã số 21H00603).

TÀI LIỆU DẪN

- BÙI CHÍ HOÀNG (CHỦ BIÊN) 2018. *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- BÙI CHÍ HOÀNG, TRẦN VIỆT PHƯỜNG, NGUYỄN QUỐC MẠNH 2019. *Di tích khảo cổ học Nhơn Thành - Cần Thơ*. Công ty cổ phần in tổng hợp, Cần Thơ.
- DƯƠNG XUÂN ĐÀO 1994. Những nét đặc trưng về các phức hệ bào tử, phấn hoa trong trầm tích than bùn ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Trong *Địa lý - Địa chất Môi trường*. Hà Nội.
- ĐÌNH VĂN THUẬN, NGUYỄN ĐỊCH DỸ 2017. Các phức hệ sinh thái bào tử phấn hoa trong trầm tích Holocen ở Đồng bằng Nam bộ. In *Vietnam Journal of Earth Sciences*, 27(1): 60-64. <https://doi.org/10.15625/0866-7187/27/1/9387>.
- LÊ THỊ LIÊN, NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG 2022. Các cư dân Văn hóa Óc Eo: Sự phát triển trong bối cảnh dao động mực nước biển vào những thế kỷ trước sau Công nguyên. Trong *Khảo cổ học*, số 4: 28-47.
- LIÊU KIM SINH 1985. Hải xâm, hải thoái xưa ảnh hưởng đến vùng đồng bằng Nam Bộ. *Văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Sở Văn hóa Thông tin tỉnh An Giang, Long Xuyên: 74-85.
- NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH 2023. *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật di tích khảo cổ học Nhơn Thành năm 2023*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
- NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH, MARIKO YAMAGATA, AYAKO FUNABIKI 2023. “Khai quật và nghiên cứu di tích khảo cổ học Nhơn Thành (huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ) năm 2023”. Trong *Hội thảo Những phát hiện về Khảo cổ học năm 2023*, tại Hà Nam.

- NGUYỄN QUỐC MẠNH, CAO KIỀU THÚY LINH 2014. Khu di tích Nhơn Thành - Tư liệu và nhận thức. Trong *Khoa học xã hội Tp. Hồ Chí Minh*, số 8: 97-111.
- NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG, LÊ THỊ LIÊN 2013. Môi trường Tây Nam Bộ qua kết quả phân tích bào tử phấn hoa ở một số di chỉ văn hóa Óc Eo. Trong *Khảo cổ học*, số 2: 43-59.
- NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG, LÊ THỊ LIÊN 2022. Hệ thực vật và môi trường di tích Gò Óc Eo, Nền Chùa từ kết quả phân tích phấn hoa. Trong *Khảo cổ học*, số 5: 3-16.
- VŨ MINH GIANG, NGUYỄN VIỆT 2017. *Vùng đất Nam Bộ (tập 2): Từ cội nguồn đến thế kỷ VII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- ALVA VALDIVIA, LUIS, AGARWAL, AMAR, AND CRUZ-Y-CRUZ, TAMARA 2018. Magnetic Susceptibility. *The Encyclopedia of Archaeological Sciences*. Edited by Sandra L. López Varela. Published 2018 by John Wiley & Sons, Inc. DOI: 10.1002/9781119188230. Saseas0353.
- NISHIMURA MASANARI, NGUYỄN DUY TỶ, HUỲNH ĐÌNH CHUNG 2008. Excavation of Nhơn Thành at the Hậu Giang River Reach, Southern Vietnam. In *Meishu Shi Yan Jiu Ji San*, No. 25: 171.
- NGUYEN HOANG BACH LINH 2023. 'Archaeology of the OcEo Culture (Southern Vietnam): Exploration, Research, and Achievements'. In *Ancient Civilizations and Cultural Resources*, Vol. 1: 39-70.
- NGUYEN, V.L,T.K.O.TA,M.TATEISHI 2000. Late Holocene depositional environments and coastalevolution of the Me Kong River Delta, Southern Vietnam. In *Journal of Asian Earth Science*, vol. 18, 2000: 427-439.

IDENTIFYING CHARACTERISTICS OF ANCIENT SETTLEMENTS IN ÓC EO CULTURE: A CASE STUDY OF NHƠN THÀNH SITE THROUGH 2023 EXCAVATION RESULTS

NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH, MARIKO YAMAGTA

The Nhơn Thành archaeological site has been recognized by Vietnamese archaeologists as a significant residential and jewelry crafting center of the ancient Óc Eo culture, dating from the 4th to the 7th century, through surveys and excavations conducted since the 1990s. This site stands out with its extensive spatial distribution and the distinctive riverbank settlement pattern of the Óc Eo ancient community in the low-lying delta region of Southern Vietnam, along with a unique collection of artifacts reflecting the rich material life and cultural relations of Nhơn Thành.

The 5th excavation at Nhơn Thành in 2023 aims to contribute to providing information on the formation of the geographical landscape, ancient environmental conditions, and the changes that have occurred in the past, identifying the livelihoods and daily life of the ancient Nhơn Thành community, and dating this ancient settlement within the context of the Óc Eo culture in Southern Vietnam through archaeological research results and interdisciplinary analysis.